TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI
Bản án số: **04**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/01/2018
"V/v *ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Quang Toại.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Bùi Quốc Thìn;

2. Bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi *tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Tấn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày **05** tháng **01** năm **2018**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2017/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc: "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1992; Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm Xóm ĐC, thôn Xóm ĐL, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Phạm Thi T, sinh năm 1988; Vắng mặt có lý do theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/12/2017.

Nơi cư trú: Xóm L, thôn 3, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Xóm ĐC, thôn Xóm ĐL, xã T, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/11/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, chị Phạm Thị N trình bày và yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Phạm Thi T tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 28/12/2009. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng làm nhà trên đất của cha mẹ ruột của chị N tại xã T để chung sống cho đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2016 mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn vì vợ chồng thường hay cãi nhau, anh T không tin tưởng chị hay ghen tuông rồi đánh đập chị. Đầu tháng 01/2017, chị N có gửi đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, sau đó rút đơn đoàn tụ sống chung với mong muốn anh T thay đổi nhưng anh vẫn chứng nào tật nấy. Từ ngày vợ chồng đoàn tụ sống chung lại với nhau, quan hệ vợ chồng không cải thiện được mà tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nay chị N xét thấy chị không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Thi T.

Về con chung: Chị Phạm Thị N xác định vợ chồng có 02 con chung gồm: Phạm Thanh H, sinh ngày 22/11/2009 và Phạm K, sinh ngày 04/3/2015 (hai con đang ở với vợ chồng). Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm K, giao cho anh Phạm Thi T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Thanh H. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không sửa đổi, bổ sung hay rút yêu cầu khởi kiện nào. Ngoài ra, chị N trình bày lý do ly hôn với anh T như sau: Anh T đi nhậu về nhiều lần đánh chị, hay ghen tuông vô cớ, khoảng 03 tháng nay vợ chồng không sống chung, không ăn chung, ngủ chung, kinh tế gia đình phần ai nấy làm ăn, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau, chỉ một mình chị lo cho con. Về con chung, cả hai con chung đều đang ở với chị N.

Ngoài ra, nguyên đơn không trình bày gì thêm.

Ý kiến đề nghị, lập luận của bị đơn anh Phạm Thi T tại bản tự khai ghi ngày 21/11/2017, biên bản hòa giải và quá trình tố tụng tại Tòa án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Thi T thống nhất về thời gian kết hôn, thời gian chung sống như chị N trình bày trên là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh T cho rằng do anh nghi ngờ chị N không chung T, trong lúc vợ chồng cãi nhau, anh nóng giận có đánh chị N vài lần. Vào đầu tháng 01 năm 2017 chị N đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án, sau đó rút đơn đoàn tụ sống chung. Từ sau khi đoàn tụ sống chung, chị N mở quán nhậu buôn bán thì vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn. Mặc dù, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn thương yêu chị N và mong muốn đoàn tụ sống chung nuôi con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 02 con chung gồm: Phạm Thanh H, sinh ngày 22/11/2009 và Phạm K, sinh ngày 04/3/2015 (hai con đang ở với vợ

chồng). Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh T đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phạm Thanh H, giao cho chị Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Phạm K. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng.

Ngoài ra, bị đơn không trình bày gì thêm.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị N.

Về con chung: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của anh T, chị N tại biên bản hòa giải ngày 15/12/2017: Giao cháu Phạm Thanh H cho anh Phạm Thi T, giao cháu Phạm K cho chị Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

Buộc chị Phạm Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, anh Phạm Thi T vắng mặt có lý do theo đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 15/12/2017 nên áp dụng khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phản hồi của bị đơn:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị N và anh Phạm Thi T có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Vợ chồng chị N, anh T mâu thuẫn nhiều năm, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T nghi ngờ chị N, nhiều lần dùng bạo lực gia đình (anh T đánh chị N). Đầu tháng 01 năm 2017 chị N đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án (chưa thụ lý), sau đó rút đơn đoàn tụ sống chung nên Tòa án trả lại đơn khởi kiện. Từ khi đoàn tụ sống chung lại với nhau, quan hệ vợ chồng không được cải thiện mà càng thêm mâu thuẫn trầm trọng hơn. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, anh T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh nghi ngờ chị N không chung T nên vài lần đánh chị N.

Trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Sơn về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì đã đủ căn cứ xác định, quan hệ hôn nhân của chị N và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài nhưng không khắc phục được, mặc dù hai bên đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Chị N và anh T thiếu sự yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không tôn trọng danh dự, uy tín của nhau, có hành vi bạo lực gia đình nên vi phạm về tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N cho vợ chồng ly hôn để ổn định cuộc sống của anh, chị.

[2.2] *Về nuôi con sau khi ly hôn:* Chị Phạm Thị N và anh Phạm Thi T đều công nhận anh, chị có 02 (hai) con chung trong thời kỳ hôn nhân như nêu trên. Tại phiên hòa giải ngày 15/12/2017, chị N và anh T đều tự nguyện thỏa thuận phân giao nuôi con, nếu ly hôn như sau: Giao cho anh Phạm Thi T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thanh H; giao cho chị Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm K. Xét thấy, cháu Phạm Thanh H trên 07 tuổi và theo biên bản ghi lời khai ngày 23 tháng 11 năm 2017 cháu có nguyện vọng được ở với anh T nên giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H; cháu Phạm K chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K là phù hợp với thỏa thuận của các đương sự và đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn*: Chị Phạm Thị N và anh Phạm Thi T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung:* Chị Phạm Thị N và anh Phạm Thi T tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[2.5] *Về nợ chung:* Chị N và anh T xác định, không có nợ chung và không ai nợ anh, chị nên không xem xét.

[3] *Về án phí:* Chị Phạm Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng chị được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng.

[4] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên:* Về đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn, về giao nuôi con chung chưa thành niên, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn và nghĩa vụ chịu án phí là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Áp dụng**:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. **Tuyên xử:**

2.1. ***Về quan hệ hôn nhân***: Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Phạm Thi T.

2.2. ***Về con chung:*** Chị Phạm Thị N và anh Phạm Thi T xác định có 02 con chung gồm: Phạm Thanh H, sinh ngày 22/11/2009 và Phạm K, sinh ngày 04/3/2015 (cháu H và cháu K đang ở với chị N).

2.2.1. ***Về giao nuôi con chung***: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về giao nuôi con sau ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Phạm Thi T theo Biên bản hòa giải ngày 15/12/2017 như sau:

Giao cho chị Phạm Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm K.

Giao cho anh Phạm Thi T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thanh H. Khi ly hôn, chị N có nghĩa vụ giao lại cháu H cho T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

2.2.2. ***Về cấp dưỡng nuôi con***: Chị Phạm Thị N và anh Phạm Thi T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

2.3. ***Về tài sản chung:*** Chị N và anh T tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét.

2.4. ***Về nợ chung:*** Chị N và anh T xác định, không có nợ chung và không ai nợ anh, chị nên không xem xét.

2.5. ***Về án phí:*** Chị Phạm Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng chị được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2014/0002407 ngày 21/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2.6. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự 2008, các Điều 7, 7a, 7b của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự 2008.*

2.7. Chị Phạm Thị N được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/01/2018). Riêng anh Phạm Thi T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Quang Toại